

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Văn Mên
- Ông Nguyễn Hoàng Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, vụ án thụ lý số 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Kim Thị H** năm 1999. Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Tô Ngọc Đ** năm 1998. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xử vắng mặt).

Ngoài ra, có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông **Nguyễn Phước T** ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2023, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn **Kim Thị H1** trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2020 chị H và anh **Tô Ngọc Đ1** quen biết, tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H10**, huyện

C, tỉnh Trà Vinh Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi vã do anh Đ2 đố tính tính không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu và vô cớ dùng lời lẽ xúc phạm chị, chị nhiều lần khuyên anh Đ2 đố tính tình lo gia đình nhưng anh Đ3 thay đố, mâu thuẫn vợ chồng không hòa thuận đợc nên chị và anh Đ4 riêng từ năm 2022 đến nay. Sau khi sống riêng không bên nào quan tâm hàn gắn lại, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị H2 cầu ly hôn với anh Tô Ngọc Đ1

- Về con chung tên Tô N Đ1 sinh ngày 23/9/2021, chị H2 cầu đợc nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị H không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Tô Ngọc Đ1 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh Đ có lời khai như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống giữa anh và chị H xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điem, cãi vã qua lại những việc trong gia đình nên anh và chị H3 riêng từ đầu năm 2023 đến nay, không bên nào tìm cách hàn gắn lại nên anh Đ đồng ý ly hôn với chị H4

- Về con chung tên Tô N Đ1 sinh ngày 23/9/2021, anh Đ5 ý để chị H tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh Đ5 ý không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Anh Đ không có yêu cầu khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đat đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Kim Thị H5 Về hôn nhân cho chị H6 hôn với anh Đ. Về con chung tên Tô N Đ1 sinh ngày 23/9/2021, anh Đ5 ý để chị H7 nuôi con nên đề nghị giao chị H đợc quyền nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản và nợ chung các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét; Về án phí hôn nhân sơ thẩm căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị buộc chị H phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Xét thấy anh Tô Ngọc Đ6 đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] **Về quan hệ pháp luật:** Xét đơn khởi kiện của chị Kim Thị H1 tranh chấp ly hôn và nuôi con đôi với anh Tô Ngọc Đ1; địa chỉ ấp C, xã T, huyện C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] **Về hôn nhân:** Xét thấy giữa chị Kim Thị H1 và anh Tô Ngọc Đ1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị H8 anh Đ là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị H8 anh Đ7 đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Xét thấy, sau khi chị H8 anh Đ3 còn chung sống với nhau thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải hàn gắn lại, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Chị H8 anh Đ8 định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, anh Đ đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H8 anh Đ9 càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kim Thị H5

[4] **Về con chung:** Giữa chị H8 anh Đ6 con tên Tô N Đ1 sinh ngày 23/9/2021, hiện chị H9 nuôi dưỡng. Anh Đ đồng ý để chị tiếp tục nuôi con, anh không tranh chấp

Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao các con tên Tô N Đ1 sinh ngày 23/9/2021 cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Quá trình giải quyết chị H8 anh Đ3 tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] **Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:** Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị H8 anh Đ3 tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị H phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Kim Thị H5**

- **Về hôn nhân:** Cho chị **Kim Thị H1** ly hôn với anh **Tô Ngọc Đ1**.

- **Về quyền nuôi con:** Giao chị **Kim Thị H1** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên **Tô N Đ1** sinh ngày 23/9/2021.

Anh **Tô Ngọc Đ1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị **H8** anh **Đ3** tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ nợ phải thu, phải trả:** Quá trình giải quyết vụ án chị **H8** anh **Đ3** tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị **Kim Thị H1** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015752 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị H đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Hiếu Tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa